

# **Sự chênh lệch liên huyện ở Meghalaya: Vấn đề phát triển con người**

---

Purusottam Nayak & Santanu Ray

North-Eastern Hill University, Shillong  
Meghalaya, INDIA

<http://pnayak.webs.com>

❖ Mục tiêu: Để đánh giá sự chênh lệch giữa các huyện, các khu vực và giữa các giới về các chỉ số phát triển con người.

- Thực hiện cả dữ liệu gốc và dữ liệu thứ cấp
- Dữ liệu gốc được thu thập từ 1020 hộ gia đình trong 7 huyện, có 39 khối phát triển thông qua
- 17 khối phát triển được lựa chọn từ 39 khối
- 5 làng được chọn từ mỗi khối phát triển
- 12 hộ gia đình được chọn từ mỗi làng

# Đặc điểm chung

(Số liệu thứ cấp)

---

- Meghalaya là một thị tộc (80%) theo chế độ mẫu hệ ở vùng Đông Bắc Ấn
- 3 nhóm dân tộc chính: Khasi (45%), Garo (32.5%) và Jaintia & các dân tộc khác (22.5%)
- Diện tích (sq. km.): Meghalaya- 22,429 (0.7% trên cả nước)
  - ❑ Phía Tây đồi Khasi - 5247; Phía Nam đồi Garo - 1887

# Đặc điểm chung(tiếp...)

---

- Dân số (lakhs): Meghalaya- 29.6
  - Đồi EK - 8.24; Đồi SG - 1.43
- Mật độ dân số: Meghalaya- 103
  - Đồi EK - 292; Đồi WK - 73
- Tỷ lệ giới: Meghalaya- 975
  - Đồi EK - 1008; Ri-Bhoi- 951
- Đô thị hóa (%): Meghalaya- 19.6
  - Đồi EK - 42.1; Ri- Bhoi- 6.8

# Phép tính HDI (Khung)

| Mục tiêu             | Chỉ số   | Khung |     |
|----------------------|--|-------|-----|
|                      |  | Max   | Min |
| Chất lượng cuộc sống | Điều chỉnh không cân đối chi tiêu trên đầu người (Rs./tháng) | 325   | 65  |
| Kiến thức            | Tỉ lệ người lớn biết chữ                                     | 100   | 0   |
|                      | Phân bổ hệ thống giáo dục                                    | 7     | 0   |
| Kéo dài tuổi thọ     | 1. Khả năng sống của trẻ em độ tuổi 1 tuổi                   | 80    | 50  |
|                      | 2. Tỉ lệ chết của trẻ sơ sinh                                | 120   | 0   |

# Chỉ số đo lường

(Công thức sử dụng)

---

$$\text{Education / Health Index} = \frac{X_i - \text{Min}(F_i)}{\text{Max}(F_i) - \text{Min}(F_i)}$$

$$\text{Income / Expenditure Index} = \frac{\text{Log}(Y_i) - \text{Log}\{\text{Min}(F_i)\}}{\text{Log}\{\text{Max}(F_i)\} - \text{Log}\{\text{Min}(F_i)\}}$$

$$\text{HDI} = \frac{1}{3} (\text{Education Index} + \text{Health Index} + \text{Consumption Index})$$

# Đo mức độ bất bình đẳng

$$\text{Coefficient of Variation (CV)} = \frac{SD_i}{\bar{X}} \times 100 \quad \dots (1)$$

$$\text{Where Standard deviation (SD)} = \sqrt{\frac{1}{N} \left\{ \sum_{j=1}^N p_j (X_{ij} - \bar{X})^2 \right\}}$$

$$\text{And Weighted Mean } (\bar{X}) = \sum_{j=1}^N p_j X_{ij} \text{ where } p_j \text{ is population share}$$

$$\text{Bourguignon Inequality Index (BII)} = \ln \left( \frac{\sum p_j X_{ij}}{\prod X_{ij}^{p_j}} \right) \quad \dots (2)$$

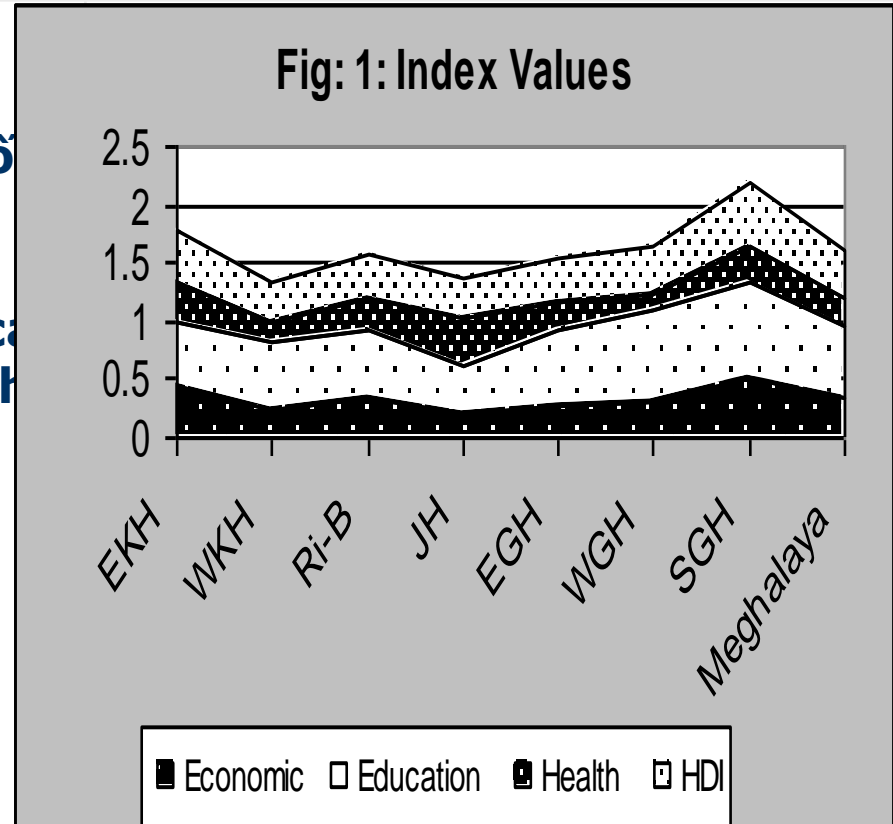
# Chỉ số HDI theo huyện

| Huyện/<br>Bang | Chỉ số<br>kinh tế | Chỉ số<br>giáo dục | Chỉ số sức<br>khỏe | HDI       |
|----------------|-------------------|--------------------|--------------------|-----------|
| EKH            | 0.453 (2)         | 0.552 (6)          | 0.319 (2)          | 0.441 (2) |
| WKH            | 0.252 (6)         | 0.560 (5)          | 0.196 (6)          | 0.336 (7) |
| RBH            | 0.353 (3)         | 0.570 (4)          | 0.263 (4)          | 0.395 (4) |
| JH             | 0.194 (7)         | 0.427 (7)          | 0.412 (1)          | 0.344 (6) |
| EGH            | 0.269 (5)         | 0.657 (3)          | 0.228 (5)          | 0.385 (5) |
| WGH            | 0.299 (4)         | 0.790 (2)          | 0.150 (7)          | 0.413 (3) |
| SGH            | 0.513 (1)         | 0.834 (1)          | 0.284 (3)          | 0.544 (1) |
| Meghalaya      | 0.334             | 0.615              | 0.262              | 0.404     |



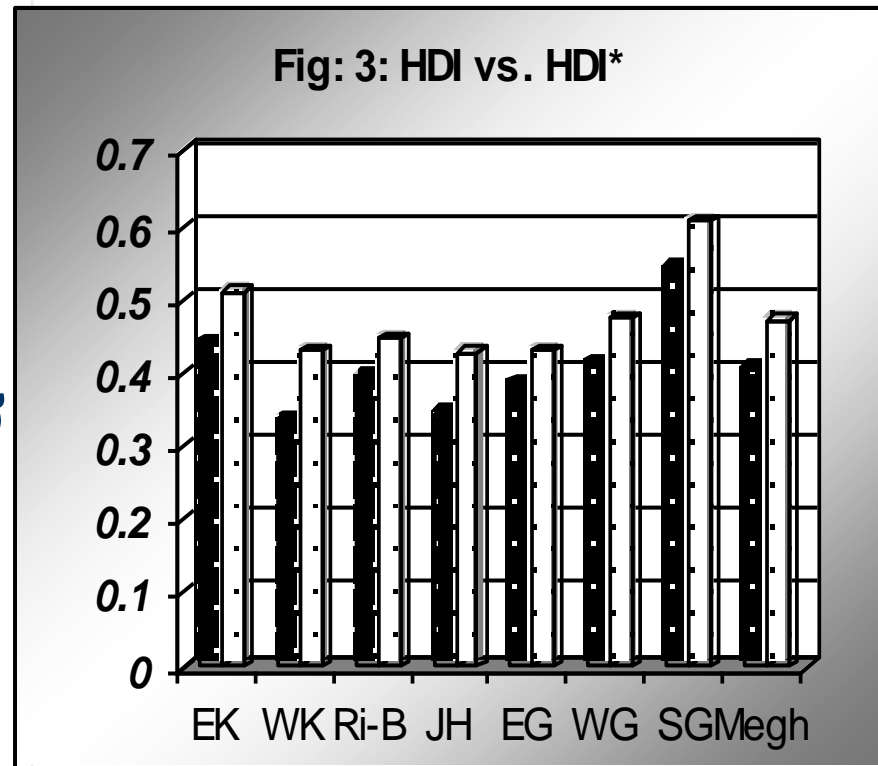
# Các thành phần của HDI

- Giáo dục đóng góp chỉ số cao nhất trong HDI
- Thiếu hụt rất lớn trong các thành tựu kinh tế ở khu vực đồi Jaintia



# Sự khác biệt giữa HDI và HDI\*

➤ **Cao nhất ở khu vực đồi Khasi (28%) đang kêu gọi sự can thiệp giúp đỡ**



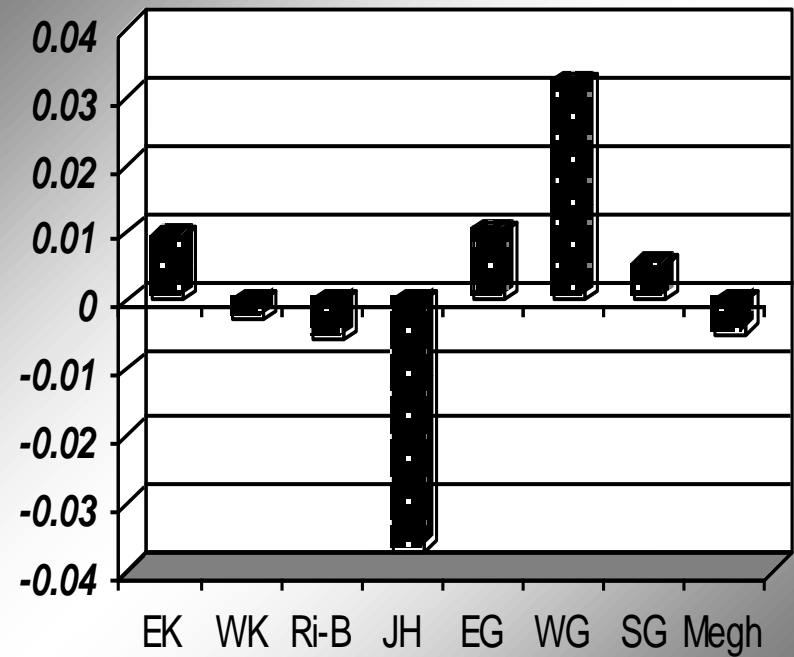
# Chỉ số HDI theo khu vực

| Regions       | Economic Index | Education Index | Health Index | HDI   |
|---------------|----------------|-----------------|--------------|-------|
| Khasi Hills   | 0.385          | 0.557           | 0.278        | 0.406 |
| Garo Hills    | 0.315          | 0.757           | 0.188        | 0.420 |
| Jaintia Hills | 0.194          | 0.427           | 0.412        | 0.344 |
| Meghalaya     | 0.334          | 0.615           | 0.262        | 0.404 |

# Chênh lệch giới tính

➤ Phụ nữ ở khu vực đồi Jaintia muốn có nhiều cơ hội học tập và có sức khỏe tốt, điều này trái ngược với khu vực đồi WG

Fig: 4: Gender-Disparity in Meghalaya



# Hệ số tương quan giữa các chỉ số

| Index      | Income* | Cons. Exp.          | Education           | Health              | HDI                 | HDI*                |
|------------|---------|---------------------|---------------------|---------------------|---------------------|---------------------|
| Income*    | +1.0    | +0.571 <sup>s</sup> | -0.036              | +0.464 <sup>s</sup> | +0.393 <sup>s</sup> | +0.464 <sup>s</sup> |
| Cons. Exp. |         | +1.0                | +0.750 <sup>s</sup> | +0.123              | +0.929 <sup>s</sup> | +0.964 <sup>s</sup> |
| Education  |         |                     | +1.0                | -0.321              | +0.750 <sup>s</sup> | +0.607 <sup>s</sup> |
| Health     |         |                     |                     | +1.0                | +0.179              | +0.001              |
| HDI        |         |                     |                     |                     | +1.0                | +0.964 <sup>s</sup> |
| HDI*       |         |                     |                     |                     |                     | +1.0                |

# Sự chênh lệch giữa các chỉ số

| Indicator                     | Mean   | SD     | CV (%) | BII    |
|-------------------------------|--------|--------|--------|--------|
| Income (Rs.)                  | 691.07 | 144.13 | 20.86  | 0.0217 |
| Consumption Expenditure (Rs.) | 521.92 | 83.49  | 15.99  | 0.0125 |
| Literacy Rate                 | 71.57  | 8.50   | 11.88  | 0.0076 |
| Intensity of Formal Edn.      | 3.925  | 1.28   | 32.61  | 0.0496 |
| Infant Mortality Rate         | 76.00  | 29.37  | 38.64  | 0.0966 |
| HDI                           | 0.404  | 0.049  | 12.00  | 0.0075 |

# Kết luận

- Sự thay đổi phổ biến trong vấn đề phát triển con người trong 7 huyện và sự chênh lệch giữa khu vực nông thôn và thành phố; giữa nhóm nam và nữ trong khu vực
- Sự chênh lệch lớn giữa thu nhập/tiêu thụ và không có thu nhập giữa các huyện
- Sự không cân đối trong thu nhập kinh tế rất cao

# Kết luận (tiếp...)

---

- Cả hai chỉ số trên cho thấy chỉ số chỉ số phi thu nhập như sự phân bổ giáo dục và tỷ lệ tử vong trẻ sơ sinh có sự chênh lệch so với các chỉ số kinh tế, đây thực sự là một nguyên nhân gây ra mối quan tâm đáng kể
- Sự không cân đối trong kinh tế chiếm tỉ lệ cao hơn các chỉ số không cân bằng HDI khác
- Với sự thiếu hụt đáng kể trong chỉ số HDI thì tồn tại sự khác biệt và cần phải thiết kế lại các chính sách công cộng trực tiếp ảnh hưởng đến phúc lợi của người dân



---

*Thank You*